

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ - ST  
Ngày 30 - 12 - 2024  
V/v: “*Kiến xin ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Huệ và ông Nguyễn Văn Khoát.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về “*Kiến xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

***1/ Nguyên đơn:*** Chị Bùi Thị Hồng N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

***2/ Bị đơn:*** Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người giám hộ của anh Phạm Văn T là: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1946; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa chị N có mặt; anh T, ông T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2009 tại UBND phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam và được gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình chồng, trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm trong việc chăm sóc con cái, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn; ngoài ra anh T còn có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi nên vợ chồng hay cãi chửi nhau, anh T thường xuyên đánh đập chị; bên cạnh đó chị còn mâu thuẫn với gia đình chồng do bố chồng và các chị chồng can thiệp quá sâu vào

chuyện riêng của vợ chồng. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2024 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Phạm Hải L (con trai), sinh ngày 21/8/2010; Phạm Gia H (con trai), sinh ngày 03/10/2016 và Phạm Ngọc Liên H (con gái), sinh ngày 05/12/2020. Hiện nay cả ba cháu đang sống chung cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị N hiện đang làm kế toán thu nhập khoảng 13.000.000đ/tháng.

Về con nuôi, con riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị N không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2024/QĐST-DS ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Tòa án đã tuyên bố anh Phạm Văn T là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và cử ông Phạm Ngọc T là người giám hộ đối với anh Phạm Văn T.

\* Tại bản tự khai ngày 19/11/2024, ông Phạm Ngọc T có quan điểm: Chị Bùi Thị Hồng N và anh Phạm Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày 18/11/2009 và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị N, anh T sống chung với gia đình nhà chồng. Cuộc sống của vợ chồng anh chị hòa thuận và đã sinh được ba người con chung, sau đó đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Ngoài ra còn do anh T có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên anh T hay có những hành vi cư xử không đúng mực, anh T cũng không đi làm chỉ ở nhà, thỉnh thoảng anh T có đập phá đồ đạc trong gia đình. Đến tháng 3/2024 thì vợ chồng chị N, anh T sống ly thân cho đến nay. Nay chị Bùi Thị Hồng N có đơn xin ly hôn anh Phạm Văn T, ông đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị.

Vợ chồng chị N và anh T có 03 con chung như chị N trình bày. Hiện nay cả ba con chung đang ở với chị N. Nếu chị Nhung và anh T ly hôn, ông đề nghị giao cho chị N nuôi dưỡng cả ba con chung, anh T không có khả năng lao động nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Mặc dù anh T là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nhưng ông không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng cho anh T.

\* Quan điểm của các cháu Phạm Hải L, Phạm Gia H đều có nguyện vọng xin được ở với chị N.

\* Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án, không thay đổi bổ sung gì.

- Bị đơn, người giám hộ của bị đơn vắng mặt và xin giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm HĐXX nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Hồng N:

Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị Hồng N và anh Phạm Văn T.

Về con chung: Giao các cháu Phạm Hải L (con trai), sinh ngày 21/8/2010; Phạm Gia H (con trai), sinh ngày 03/10/2016 và Phạm Ngọc Liên H (con gái), sinh ngày 05/12/2020 cho chị Bùi Thị Hồng N nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Hồng N đối với anh Phạm Văn T ở địa chỉ: Tổ dân phố L, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi có người giám hộ và người giám hộ đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Bùi Thị Hồng N và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày 18/11/2009 đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và Gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Hồng N, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã sinh được ba con chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, anh Truyền không có trách nhiệm trong việc chăm sóc con cái, bên cạnh đó thì gia đình nhà chồng can thiệp quá sâu vào chuyện riêng của vợ chồng. Anh T có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi nên vợ chồng hay cãi chửi nhau, anh T còn hay đánh đập chị. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy việc giải quyết cho chị N và

anh T được ly hôn là cần thiết nên xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Hồng N và anh Phạm Văn T là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị Hồng N và anh Phạm Văn T có ba con chung là Phạm Hải L (con trai), sinh ngày 21/8/2010; Phạm Gia H (con trai), sinh ngày 03/10/2016 và Phạm Ngọc Liên H (con gái), sinh ngày 05/12/2020. Xét điều kiện nuôi dạy, chăm sóc con chung của chị N và anh T thì thấy chị N có công việc, thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi dưỡng ba con chung; anh T hiện đang là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, không có công ăn việc làm nên việc nuôi dạy, chăm sóc con không đảm bảo. Bên cạnh đó người giám hộ của anh T cũng có quan điểm giao cả ba con chung cho chị N nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con chung cần giao các cháu L, H và H cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Con nuôi, con riêng: Không có nên HĐXX không xem xét. Hiện chị N không có thai nghén gì

[5] Về tài sản riêng, tài sản chung và công nợ: Chị N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Hồng N và anh Phạm Văn T.

2/ Về con chung: Giao chị Bùi Thị Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là các cháu Phạm Hải L (con trai), sinh ngày 21/8/2010; Phạm Gia H (con trai), sinh ngày 03/10/2016 và Phạm Ngọc Liên H (con gái), sinh ngày 05/12/2020 cho đến khi cháu L, H, H đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3/ Về án phí ly hôn: Chị Bùi Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000511 ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Bùi Thị Hồng N có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Ngọc T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND phường Châu Sơn, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Ngân**